

BẢN SẠO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NƯỚC GIẢI KHÁT CAO CẤP
YẾN SÀO DIÊN KHÁNH**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD**

Website : www.kiemtoan.net.vn

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	5 - 8
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 24

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh ("Công ty") được thành lập theo Quyết định số 2150/QĐ-ys ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5201624478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 03 tháng 12 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 212.036.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là chế biến các sản phẩm từ yến sào.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại : (058) 3745601 Fax : (058) 3745605

Chủ sở hữu của Công ty là Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.

Chủ sở hữu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4200338918 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 11 năm 2009.

Trụ sở chính của Chủ sở hữu đặt tại 248 Thống Nhất, Phường Phương Sơn, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 5 đến trang 24).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Chủ tịch, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Huỳnh Bá	Chủ tịch
Ông Đinh Viết Thuận	Giám đốc
Ông Đặng Minh Thích	Phó Giám đốc
Bà Phan Thị Giang	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Huỳnh Bá - Chủ tịch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC GIẢI KHÁT CAO CẤP YÊN SÀO DIÊN KHÁNH
QL1A, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

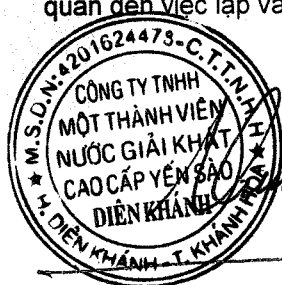
Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Chủ tịch và Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch và Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



CHỦ TỊCH

Huỳnh Bá

Huỳnh Bá

Chủ tịch

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 01 năm 2016



www.kiemtoan.net.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

Trụ sở chính : 39/3L Phạm Văn Chiêu, P.8, Quận Gò Vấp, Tp. HCM.
Văn Phòng Giao Dịch : 2/23 Quách Văn Tuấn, Khu K300, P.12, Q. Tân Bình, TP. HCM
Chi nhánh Nha Trang : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Diễm Trung, P. Vĩnh Hiệp, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa
Chi nhánh Vũng Tàu : 169 Trương Công Định - Tp. Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

FAC AUDITING CO., LTD

Tel : (08) 3 948 3100 Fax : (08) 3 948 3102
Tel : (0-58) 3 895 777 Fax : (0-58) 3 893 377
Tel : (0-64) 2 210 287 Fax : (0-64) 6 253 070

Số : 001/2016/BCTC-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yên sào Diên Khánh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yên sào Diên Khánh ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 01 năm 2016, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch và Ban Giám đốc

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yên sào Diên Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC CHI NHÁNH NHA TRANG



Nguyễn Thịnh - Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0473-2013-099-01
Khánh Hòa, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Phạm Tiến Nhân - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3096-2015-099-1

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		152.411.554.267	62.621.953.017
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.604.055.905	15.813.898.771
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 8	25.604.055.905	15.813.898.771
<i>Nguyên giá</i>	222		48.339.772.591	15.813.898.771
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.735.716.686)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		59.376.280	5.528.950
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		59.376.280	5.528.950
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		126.748.122.082	46.802.525.296
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 9	126.748.122.082	46.802.525.296
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		310.136.873.440	136.667.619.791

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		51.032.136.017	17.473.552.265
I. Nợ ngắn hạn	310		51.032.136.017	17.473.552.265
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 10	38.767.572.101	17.465.542.245
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		162.750.000	8.010.020
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 11	8.654.290.135	-
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 12	510.545.455	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 13	353.131.190	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 14	2.583.847.136	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

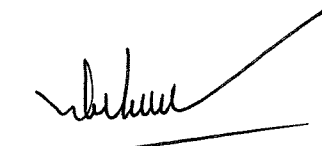
Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		259.104.737.423	119.194.067.526
I. Vốn chủ sở hữu	410		259.104.737.423	119.194.067.526
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 15	119.194.067.526	119.194.067.526
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V. 15	105.536.567.258	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 15	14.552.609.544	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V. 15	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 15	19.821.493.095	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		19.821.493.095	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		310.136.873.440	136.667.619.791

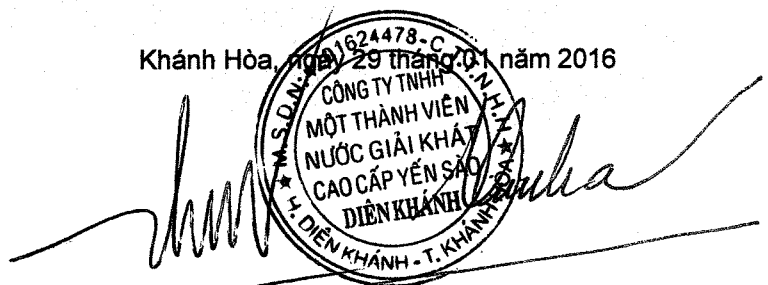
Khánh Hòa, ngày 29 tháng 01 năm 2016



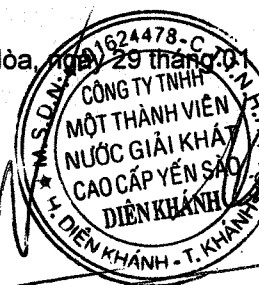
Phạm Thị Lãnh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Quyên
Kế toán trưởng



Đinh Viết Thuận
Giám đốc



Huỳnh Bá
Chủ tịch


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

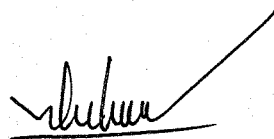
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	727.345.919.596	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 1	16.205.561	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		727.329.714.035	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	631.824.973.018	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95.504.741.017	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		260.030	-
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI. 3	27.652.396.040	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 4	5.654.237.756	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.198.367.251	-
11. Thu nhập khác	31		1.701.363	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.701.363	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.200.068.614	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 5	13.691.370.135	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48.508.698.479	-

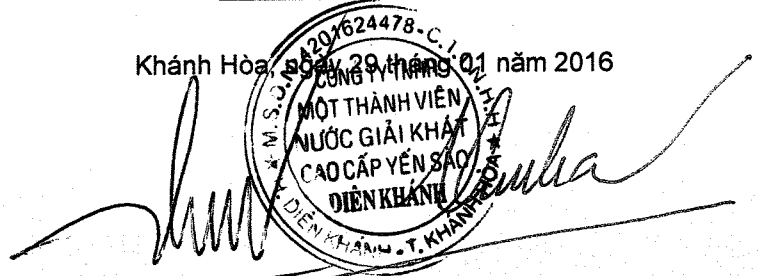
Khánh Hòa, ngày 29 tháng 01 năm 2016



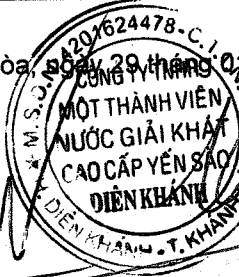
Phạm Thị Lành
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Quyên
 Kế toán trưởng



Đinh Viết Thuận
 Giám đốc



Huỳnh Bá
 Chủ tịch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015


Đơn vị tính: VND

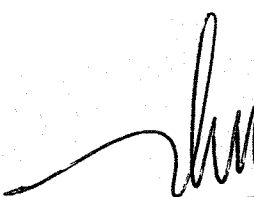
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62.200.068.614	-
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V. 8	3.675.849.968	-
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		65.875.918.582	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(111.458.339.308)	-
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28.911.997.607	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		22.320.446.481	-
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		15.241.084.120	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V. 11	(5.037.080.000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.550.748.704)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.303.278.778	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.300.341.267)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.300.341.267)	-

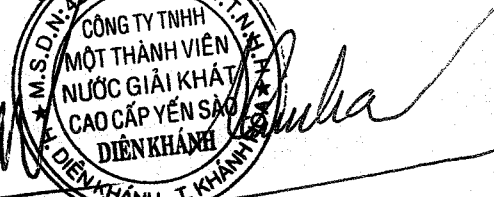
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2015	2014
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.937.511	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	2.937.511	-

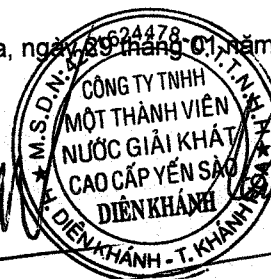
Khánh Hòa, ngày 29 tháng 01 năm 2016


Phạm Thị Lành
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ngọc Quyên
Kế toán trưởng


Đinh Viết Thuận
Giám đốc


Huỳnh Bá
Chủ tịch



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được sở hữu bởi doanh nghiệp có vốn 100% thuộc sở hữu nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là chế biến các sản phẩm từ yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

5. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Ngày 26 tháng 12 năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 3603/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh. Thời điểm giá trị để cổ phần hóa là ngày 01 tháng 01 năm 2015;

Ngày 06 tháng 02 năm 2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 335/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh.

Ngày 20 tháng 7 năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1945/QĐ-UBND về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh.

Ngày 05 tháng 01 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh thành công ty cổ phần. Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2015, nguyên giá được ghi nhận là giá được đánh giá lại và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2015 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh.

5. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc và thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của nhà đầu tư.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Quyết định của Chủ sở hữu
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho Chủ sở hữu sau khi được Chủ sở hữu thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu vào kỳ phát sinh khoản giảm trừ doanh thu.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền mặt tại quỹ	1.494.693	-
Tiền gửi ngân hàng	1.442.818	-
Cộng	<u>2.937.511</u>	<u>-</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Phải thu của các bên liên quan	106.567.533.383	79.714.435
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	106.567.533.383	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	-	79.714.435
Phải thu các khách hàng khác	27.835.690	30.799.050
Cộng	<u>106.595.369.073</u>	<u>110.513.485</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Trả trước các bên liên quan	3.115.725.000	-
- Công ty TNHH NN Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	307.725.000	-
- Công ty Cổ phần chế biến Nông sản Xuất khẩu Khánh Hòa	2.808.000.000	-
Trả trước cho các nhà thầu và các nhà cung cấp khác mua sắm tài sản cố định, hàng hóa dịch vụ phục vụ kinh doanh	1.391.296.765	65.868.000
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Đông Duy	680.000.000	-
- Công ty TNHH Thang máy và Kỹ thuật CN Thời Đại	146.850.000	-
- Công ty Cổ phần Geumsan	509.303.765	-
- Các khách hàng khác	55.143.000	65.868.000
Cộng	<u>4.507.021.765</u>	<u>65.868.000</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	164.604.986	148.841.369
Chi phí cổ phần hóa	120.000.000	-
Các khoản khác	5.303.000	-
Cộng	<u>289.907.986</u>	<u>148.841.369</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.173.294.784	-	10.911.774.141	-
Công cụ, dụng cụ, bao bì	18.003.368.915	-	27.962.195.413	-
Chi phí SXKD dở dang	1.582.287.275	-	3.829.850.919	-
Thành phẩm	8.967.281.695	-	13.710.593.145	-
Hàng hóa	34.381.764	-	13.197.548	-
Hàng gửi đi bán	7.944.536.947	-	17.189.537.821	-
Cộng	<u>44.705.151.380</u>	<u>-</u>	<u>73.617.148.987</u>	<u>-</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	99.093.120	103.294.933
Cộng	99.093.120	103.294.933

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
Thuế GTGT hàng nội địa	1.254.044.249	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	122.867.930	-
Thuế Thu nhập cá nhân	148.926.159	-
Cộng	1.525.838.338	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.942.526.689	5.292.116.214	6.567.470.868	11.785.000	15.813.898.771
Chủ sở hữu góp vốn	-	-	-	-	-
Đánh giá lại tài sản để cổ phần hóa	9.100.578.937	15.333.476.724	4.771.482.146	208.417.076	29.413.954.883
Mua sắm mới	-	2.565.918.937	546.000.000	-	3.111.918.937
Số cuối năm	13.043.105.626	23.191.511.875	11.884.953.014	220.202.076	48.339.772.591
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Đánh giá lại tài sản để cổ phần hóa	5.453.138.042	9.759.607.513	3.685.101.502	162.019.661	19.059.866.718
Trích khấu hao	538.940.644	1.726.712.220	1.398.412.104	11.785.000	3.675.849.968
Số cuối năm	5.992.078.686	11.486.319.733	5.083.513.606	173.804.661	22.735.716.686
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.942.526.689	5.292.116.214	6.567.470.868	11.785.000	15.813.898.771
Số cuối năm	7.051.026.940	11.705.192.142	6.801.439.408	46.397.415	25.604.055.905

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Lợi thế kinh doanh được xác định trong giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	94.916.157.305	-
Thương hiệu	30.263.237.421	45.394.856.131
Chi phí đồ dùng dụng cụ	1.568.727.356	593.621.150
Chi phí khác	-	814.048.015
Cộng	126.748.122.082	46.802.525.296

10. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Phải trả cho các bên liên quan	8.115.652.588	-
- Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	7.403.480.088	-
- Công ty CP Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa	672.400.200	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	39.772.300	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	30.651.919.513	17.465.542.245
- Công ty TNHH MTV TM Dịch vụ In bao bì Cuộc Sống Mới	4.716.250.100	1.634.693.940
- Công ty TNHH NHT	3.157.957.000	-
- Công ty Cổ phần Đông Á	2.385.064.900	761.744.500
- Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	2.236.395.000	-
- Công ty Cổ phần In bao bì Khatoco	2.657.679.850	1.266.751.805
- Công ty TNHH In & Sản Xuất Bao Bì Thái Bình Dương	2.178.783.946	585.706.000
- Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	2.537.772.930	2.147.437.215
- Các nhà cung cấp khác	10.782.015.787	11.069.208.785
Cộng	38.767.572.101	17.465.542.245

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.654.290.135	-
Cộng	8.654.290.135	-

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau:

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	20.340.102.063	21.594.146.312	(1.254.044.249)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	-	157.123.000	279.990.930	(122.867.930)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.691.370.135	5.037.080.000	8.654.290.135
Thuế thu nhập cá nhân (*)	-	2.277.303.841	2.426.230.000	(148.926.159)
Thuế tài nguyên	-	3.335.280	3.335.280	-
Các loại thuế khác	-	4.500.000	4.500.000	-
Cộng	-	36.473.734.319	29.345.282.522	7.128.451.797

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (thuyết minh V.7).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty như sau:

- Đường kết tinh; Đường phèn	5%
- Các sản phẩm từ yến sào	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.15 và thuyết minh VI.5.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

12. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Trích trước tiền thuê tài sản	510.545.455	-
Cộng	<u>510.545.455</u>	<u>-</u>

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Kinh phí công đoàn	353.131.190	-
Cộng	<u>353.131.190</u>	<u>-</u>

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế	14.134.595.840	-
Chi khen thưởng, phúc lợi	(11.550.748.704)	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>2.583.847.136</u>	<u>-</u>

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
Tại 01/01/2015	119.194.067.526	-	-	-	119.194.067.526
Đánh giá lại tài sản để cổ phần hóa	-	-	105.536.567.258	-	105.536.567.258
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	48.508.698.479	48.508.698.479
Phân phối lợi nhuận	-	14.552.609.544	-	(28.687.205.384)	(14.134.595.840)
Tại 31/12/2015	<u>119.194.067.526</u>	<u>14.552.609.544</u>	<u>105.536.567.258</u>	<u>19.821.493.095</u>	<u>259.104.737.423</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Tổng doanh thu

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Tổng doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	727.345.919.596	-
Các khoản giảm trừ	16.205.561	-
- Chiết khấu thương mại	16.205.561	-
Doanh thu thuần	<u>727.329.714.035</u>	<u>-</u>

b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	725.575.108.242	-
Cộng	<u>725.575.108.242</u>	<u>-</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa	631.824.973.018	-
Cộng	631.824.973.018	-

3. Chi phí bán hàng

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân viên	605.728.920	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	610.732.889	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.023.952.208	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.131.613.835	-
Các chi phí khác	280.368.188	-
Cộng	27.652.396.040	-

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân viên quản lý	4.131.852.349	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	90.884.892	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.626.712	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.170.368.632	-
Các chi phí khác	113.505.171	-
Cộng	5.654.237.756	-

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được dự tính như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán trước thuế	62.200.068.614	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	33.432.000	-
Các khoản chi phí không được trừ	33.432.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	62.233.500.614	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh tính theo thuế suất phổ thông	13.691.370.135	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.691.370.135	-

6. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	556.852.361.148	-
Chi phí nhân công	72.472.564.452	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.675.849.968	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.639.344.536	-
Chi phí khác bằng tiền	491.486.710	-
Cộng	665.131.606.814	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	Bên liên quan của Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa	Bên liên quan của Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Khánh Hòa	Bên liên quan của Chủ sở hữu

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<u>Bên liên quan/Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa		
Bán sản phẩm, hàng hóa	798.109.923.863	-
Mua sản phẩm, hàng hóa	416.695.383.033	-
Thu tiền bán hàng	18.571.046.369	-
Thanh toán bù trừ tiền mua hàng và bán hàng	409.291.902.945	-
Các khoản chi hộ	263.371.716.166	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang		
Mua sản phẩm, hàng hóa	241.844.450	-
Thanh toán tiền mua hàng	202.072.150	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa		
Mua sản phẩm, dịch vụ	2.012.949.730	-
Thanh toán tiền mua sản phẩm, dịch vụ	1.340.549.530	-
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Khánh Hòa		
Trả trước tiền thuê tài sản	2.808.000.000	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:		
<u>Bên liên quan / Công nợ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/12/2015</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng hóa dịch vụ	106.567.533.383	-
Trả trước tiền mua tài sản cố định	307.725.000	-
Phải trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	7.403.480.088	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang		
Phải thu tiền bán hàng hóa dịch vụ	-	79.714.435
Phải trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	39.772.300	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa		
Phải trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	672.400.200	-
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Khánh Hòa		
Trả trước tiền thuê tài sản	2.808.000.000	-

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động kinh doanh. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ phải thu và tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán	17.465.542.245	-	-	17.465.542.245
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	17.465.542.245	-	-	17.465.542.245
Tại ngày 31/12/2015				
Phải trả người bán	38.767.572.101	-	-	38.767.572.101
Chi phí phải trả	510.545.455	-	-	510.545.455
Các khoản phải trả khác	353.131.190	-	-	353.131.190
Cộng	39.631.248.746	-	-	39.631.248.746

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:


Tài sản tài chính	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/12/2015</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/12/2015</u>
Tiền và tương đương tiền	2.937.511	-	2.937.511	-
Phải thu khách hàng	106.595.369.073	110.513.485	106.595.369.073	110.513.485
Phải thu khác	289.907.986	148.841.369	289.907.986	148.841.369
Cộng	106.888.214.570	-	106.888.214.570	259.354.854
Nợ phải trả tài chính	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/12/2015</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/12/2015</u>
Phải trả người bán	38.767.572.101	17.465.542.245	38.767.572.101	17.465.542.245
Chi phí phải trả	510.545.455	-	510.545.455	-
Các khoản phải trả khác	353.131.190	-	353.131.190	-
Cộng	39.631.248.746	17.465.542.245	39.631.248.746	17.465.542.245


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

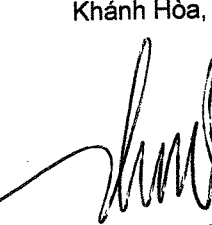
4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

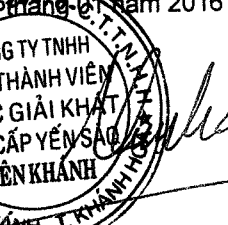
Ngoài sự kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh thành công ty cổ phần và hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, Chủ tịch và Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

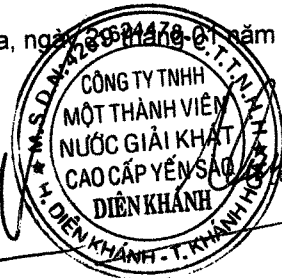

Phạm Thị Lãnh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ngọc Quyên
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 05 năm 2016


Đinh Viết Thuận
Giám đốc


Huỳnh Bá
Chủ tịch



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... Quyển số..... SCT/BS
Ngày **05/05/2016** tháng năm 20.....
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯỚC HẢI



PHO CHỦ TỊCH
Phan Tấn Dũng